

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ VỀ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ TÔN GIÁO TRƯỚC SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

NGUYỄN ĐỨC LŨ^(*)

Từ lâu tôn giáo đã từng là đối tượng nghiên cứu của nhiều lĩnh vực khoa học và hiện nay đang được sự quan tâm của nhiều người.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã để lại cho nhân loại những giá trị lớn lao trên lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội- nhân văn, trong đó có tôn giáo. Mặc dù C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin không coi tôn giáo là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của mình, nhưng trong sự nghiệp cách mạng mà các ông lãnh đạo đã vấp phải lực cản không nhỏ từ phía giáo hội. Một số giáo sĩ phản động ra sức chống phá cách mạng, cả trên phương diện học thuyết đến hiện thực.

Đến nay, qua một thời kì dài trải nghiệm từ thực tế, chúng ta có điều kiện và thời gian nghiên cứu để đánh giá các quan điểm của chủ nghĩa Mác -Lênin về tôn giáo một cách đầy đủ và sâu sắc hơn. Có những những quan điểm của các ông sống dài qua năm tháng, trở thành nguyên lí cho mọi thời đại. Nhưng có những vấn đề liên quan đến tôn giáo thời các ông chưa được đặt ra, hoặc đến nay đang bị lịch sử vượt qua cần được hoàn thiện và bổ sung.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đưa ra những quan điểm của mình về vấn đề tôn giáo (nếu lấy dấu mốc năm mất của C. Mác năm 1883, Ph. Ăngghen năm 1895 và V. I. Lênin năm 1924) cho đến nay đã trên dưới một thế kỉ. Khoảng thời gian ấy thế giới đã có những biến đổi quan trọng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, tôn giáo không thể không thay đổi khi chịu sự tác động của hoàn cảnh lịch sử mới- nhất là xu hướng toàn cầu hóa hiện nay. Học thuyết Mác-Lênin là học thuyết mở, chứ không phải như một công thức toán học đúng cho mọi thời đại. Vì vậy, nhận thức lại để bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện và phát triển những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo cho phù hợp với hoàn cảnh mới là một nhu cầu tất yếu đặt ra cho những người mác-xít đương đại.

Tiếc rằng, các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin chưa có điều kiện và dành nhiều thời gian, công sức cho một công trình cụ thể nào để nghiên cứu thật đầy đủ, hệ thống về vấn đề tôn giáo; mà chỉ thấy những quan điểm được kiến

^{*}. PGS., TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

giải trên nhiều tác phẩm khác nhau, trong khi hầu hết các nhà nghiên cứu sau này ở nước ta chưa đọc hết được các tác phẩm đồ sộ của các ông. Đó là chưa kể, chỉ có số ít người đọc được nguyên bản từ tiếng Đức và tiếng Nga, còn hầu hết thường nghiên cứu qua các bản dịch. Đó là một khó khăn rất lớn để có thể hiểu tường tận, nhằm trình bày một cách hệ thống, mạch lạc quan điểm mác-xít về vấn đề tôn giáo.

Tuy nhiên, bằng cách tập hợp các bài viết của các nhà kinh điển và những bài nghiên cứu của các nhà khoa học, chúng tôi cố gắng đưa ra mấy suy nghĩ bước đầu về quan điểm của chủ nghĩa Mác -Lênin với tôn giáo trước biến động của thời đại.

Trước sự biến động về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và sự phát triển như vũ bão của khoa học, kĩ thuật và công nghệ của thế giới đương đại, với tư cách là cái “phản ánh”, tôn giáo cũng đang vận động theo sự biến đổi ấy. Những di sản về tôn giáo mà các nhà kinh điển của học thuyết Mác -Lênin để lại cho hậu thế là rất quý báu, nhưng trách nhiệm của những người cộng sản là phải bổ sung và hoàn thiện.

I. VỀ BẢN CHẤT CỦA TÔN GIÁO

Trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph. Ăngghen nêu: “Nhưng tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế”⁽¹⁾.

Ở đây, Ăngghen đã giải đáp 3 vấn đề cơ bản: Tôn giáo là gì, phản ánh cái gì và phản ánh như thế nào?

Định nghĩa trên của Ph. Ăngghen, cho đến nay vẫn được nhiều người đánh giá cao, vì nó có tính khái quát dưới góc độ triết học, nhưng cũng cần bổ sung thêm cho phù hợp với thực tiễn dưới góc độ xã hội học. Trong tập bài giảng *Lí luận về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta* dùng cho lớp Cao cấp Lí luận Chính trị tại Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, chúng tôi một mặt khẳng định giá trị của quan điểm của Ph. Ăngghen; mặt khác cũng bổ sung thêm: “Tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức xã hội mà còn là một thực thể xã hội”⁽²⁾. Với tư cách là hình thái ý thức xã hội, tôn giáo phản ánh hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan.

Cùng quan điểm trên, Văn kiện số 19 của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1982 cũng xác định rõ, tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức mà còn là hệ thống xã hội có hàng triệu tín đồ và hoạt động tạo nên những biểu hiện bên ngoài. Chúng ta nên hiểu rằng, khi xây dựng học thuyết của mình cả Mác và Ăngghen đều rất lưu tâm đến việc xây dựng thế giới quan duy vật, đối lập với thế giới quan duy tâm thần học. Còn ngày nay, việc quản lí nhà nước đối với tôn giáo với những hoạt động của nó có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, khiến cho cho nhiều nhà nước phải quan tâm đến mặt tổ chức, thiết chế đang chỉ đạo những hoạt động tôn giáo.

Trong tác phẩm *Phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu* mà

1. C.Mác- Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, tập.20, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994, tr. 437.

2. Tập bài giảng *Lí luận về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta*. Nguyễn Đức Lữ Chủ biên, Nxb. Lí luận Chính trị, Hà Nội, 2004, tr. 10.

C.Mác viết vào cuối năm 1843 đầu năm 1844, tuy chỉ tập chung vào mấy trang ngắn ngủi, song lại là bài viết rõ nhất của C. Mác về vấn đề bản chất của tôn giáo. Trong đó có luận điểm nổi tiếng mà cho đến nay vẫn còn gây tranh cãi, đó là: “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”.

Trước hết, về vai trò, vị trí của luận điểm này đã được V.I.Lênin coi “Câu nói đó của Mác là hòn đá tảng của toàn bộ quan điểm của Mác trong vấn đề tôn giáo”⁽³⁾. Tuy vậy, Lênin cũng nhắc nhở những người cộng sản *không nên phát triển quá sâu, quá xa lời kết luận vô thần ấy*. Bởi vì, không khéo có thể làm cho chính đảng của giai cấp công nhân khuyếch đại quá đáng, dẫn đến xoá nhoà ranh giới giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh với tôn giáo.

Như vậy, Lênin coi luận điểm ấy của C.Mác là *quan trọng, là nền tảng, là cơ sở cho những quan điểm về tôn giáo của những người mác-xít*, song cũng không nên hiểu phiến diện dẫn tới khuynh hướng tả hoặc hữu. Cho đến nay, trên nhiều diễn đàn trong các cuộc hội thảo bàn về tôn giáo, cũng như sách báo trong và ngoài nước, luận điểm trên vẫn được nêu ra với những cách hiểu và lí giải khác nhau.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, luận điểm ấy không phù hợp với sự thật lịch sử: “Kết luận của Mác là không đúng, vì trong lịch sử, tôn giáo chưa bao giờ là thuốc phiện mà chỉ là chất men kích thích con người hành động tích cực”⁽⁴⁾.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, chỉ có hình thức tôn giáo thoái hoá nào đó mới là thuốc phiện chứ không phải mọi tôn giáo nói chung: “Chúng ta cần tháo gỡ những chướng ngại khiến cho sinh hoạt tôn giáo bị gò bó, cần phải cởi bỏ những quan niệm lỗi thời về tôn giáo, những

phán đoán xúc phạm đến lòng tự ái của tín hữu, chẳng hạn coi tôn giáo như là “thuốc phiện của nhân dân” là “mê tín dị đoan”, là “phản động”, v.v... Trong khi mà thực ra chỉ có những hình thức tôn giáo thoái hoá nào đó mới là “thuốc phiện” là “mê tín” và chỉ có những kẻ nào lợi dụng tôn giáo mới là phản động”⁽⁵⁾.

Loại ý kiến thứ ba, một số học giả tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử, nguồn gốc ra đời của luận điểm “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” mà C.Mác đã nêu ra cách đây hơn 1,5 thế kỉ và được đưa ra nhận xét rằng trong hoàn cảnh lịch sử ấy thì câu nói này không có hàm ý phê phán tôn giáo: “Cho đến mãi những thập kỉ đầu của thế kỉ XIX, từ “thuốc phiện” vẫn chưa có ý nghĩa như ngày nay (ma tuý); nó là một thứ thuốc thông thường; thuốc giảm đau mà các thầy thuốc kê đơn. Ngay Kant cũng dùng những từ này để chỉ những lời an ủi của những linh mục đối với những người hấp hối” và ông nhận xét: “Dù sao cách dùng này của C.Mác thời ấy cũng *không mang bóng dáng lên án nào*, ngược lại nó xuất hiện trong hoàn cảnh của nó, như là đỉnh cao của một loạt những lập luận thực chứng về tôn giáo”⁽⁶⁾.

Loại ý kiến thứ tư, tuy không nhiều song đến nay vẫn còn có những người cho rằng, chừng nào còn tồn tại thì tôn giáo vẫn là thứ thuốc độc hại đã làm tha hoá con người. Tôn giáo ru ngủ tinh thần đấu tranh của quần chúng trước những bất công của xã hội, hướng con người vươn tới một thế giới hư ảo. Tôn giáo là công cụ

3. V. I. Lênin. *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Tiến Bộ.M., 1979, tr. 511.

4. Xem: *Tạp chí Triết học*, số 3-10-1992.

5. Xem trong cuốn *Vấn đề phong thánh từ đạo và lịch sử dân tộc Việt Nam*, UBKHXH và Ban Tôn giáo Chính phủ xuất bản năm 1988, tr. 64.

6. Xem trong cuốn *Về tôn giáo* tập I, Nxb. KHXH, 1994, tr.239-340.

của giai cấp thống trị bóc lột, nó góp phần xoa dịu những bất hạnh hiện tại để kéo dài nỗi đau lâu dài của con người. Với lí do ấy tôn giáo là một hiện tượng xã hội về cơ bản là tiêu cực, là thứ ma túy độc hại cần loại bỏ.

Loại ý kiến thứ năm, xét theo quan điểm chính trị, tính tích cực hay tiêu cực không phải là tự bản thân tôn giáo mà là người sử dụng nó vào mục đích gì? Phiden Castrô nói: “Theo ý kiến tôi, xét theo quan điểm chính trị, tôn giáo tự nó không phải là thuốc phiện hoặc một phương thuốc diệu kì. Nó có thể là thuốc phiện hoặc là một phương thuốc diệu kì tùy theo người sử dụng nó hay ứng dụng nó để bênh vực những kẻ áp bức, những kẻ bóc lột hoặc để bảo vệ những người bị áp bức hoặc bị bóc lột”. Và ông cho rằng: “Một câu, một khẩu hiệu, một luận điệu có giá trị lịch sử tuyệt đối đúng trong một thời kì nhất định. Trong hiện tại, có thể có những hoàn cảnh mà câu nói đó diễn tả một thực tế. Trong bất cứ nước nào mà hàng giáo phẩm của Công giáo hay bất cứ một giáo hội nào khác, kết cấu với đế quốc, thực dân kiểu mới, với sự bóc lột nhân dân và con người, với sự đàn áp thì không có gì phải ngạc nhiên về sự kiện trong một nước cụ thể có ai đó lặp lại câu nói tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”⁽⁷⁾.

Quan sát vai trò của tôn giáo trong xã hội đương đại và sự phục hưng của tôn giáo ở nhiều quốc gia gần đây, chúng tôi nghĩ rằng, muốn hiểu câu nói này của C. Mác một cách đầy đủ thì không thể cắt đoạn, tách rời mà phải đọc kĩ đoạn văn trước và sau khi ông viết câu đó. Theo tinh thần của C. Mác, tôn giáo không chỉ có mặt tiêu cực mà còn có mặt tích cực nhất định, vì : “Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là sự biểu hiện của nghèo nàn

hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy”⁽⁸⁾, nó là: “Tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức” làm dịu bớt nỗi đau khổ, sự uất hận đè nặng lên số phận của mỗi con người. Tôn giáo là: “Trái tim của thế giới không có trái tim”⁽⁹⁾. Dù tôn giáo là: “Bông hoa giả”⁽¹⁰⁾ điểm trang cho xiềng xích, nhưng có nó vẫn hơn là một xã hội chỉ có gông cùm và ngục tối. Vấn đề không phải là vứt bông hoa giả mà là vứt bỏ bản thân xiềng xích cần có bông hoa giả ấy: “Để loài người giơ tay hái lấy bông hoa thật”⁽¹¹⁾ cho chính mình. Tính trừ ác hướng thiện, giáo dục đạo đức cho con người là đặc trưng vốn có của tôn giáo. Vì vậy, mặt tích cực của tôn giáo là một thực tế không thể bác bỏ. Gần đây Đảng ta cũng đã khẳng định giá trị đạo đức và văn hóa của tôn giáo.

II. VỀ NGUỒN GỐC CỦA TÔN GIÁO

Mùa thu năm 1843 C.Mác viết trong *Vấn đề Do Thái* rằng: “Đối với chúng ta, tôn giáo không còn là nền tảng, mà chỉ là hiện tượng thuộc giới hạn trần thế... Chúng ta không biến những vấn đề trần thế thành những vấn đề thần học. Chúng ta biến những vấn đề thần học thành những vấn đề trần thế”⁽¹²⁾. Từ hướng nghiên cứu ấy, C.Mác đã bỏ lại phía sau mình phương pháp tư duy của những nhà Hêghen trẻ, để đặt cơ sở cho phương pháp tiếp cận tôn giáo độc đáo của riêng mình, nghĩa là nghiên cứu lịch sử - xã hội làm nảy sinh và nuôi dưỡng tôn giáo.

7. Xem: *Phiden và tôn giáo, những cuộc trao đổi với linh mục Frie Bettor*, UBĐKCG yêu nước Tp. Hồ Chí Minh, 1986, tr. 288-289.

8. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 1, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, tr. 570.

9. Sđd, tr. 570.

10. Sđd, tr. 570.

11. Sđd, tr. 570.

12. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Về tôn giáo*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1994, tr.216.

Cũng vào thời gian này, C. Mác có một luận điểm nổi tiếng, khi ông cho rằng: “Con người sáng tạo ra tôn giáo, chứ tôn giáo không sáng tạo ra con người”. Nhưng con người không phải là một “sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là thế giới con người, là nhà nước, là xã hội. Nhà nước ấy, xã hội ấy sản sinh ra tôn giáo”⁽¹³⁾.

Phần lớn những nhà duy vật trước C.Mác thường giải thích nguồn gốc tôn giáo từ “sự lừa dối”, “sự ngu dốt”, hoặc nhẹ nhàng hơn là “sự lầm lẫn”. Số người khác, lại lí giải sự ra đời của tôn giáo từ các lực lượng siêu nhiên.

Gần đây một số học giả đã tìm hiểu nguồn gốc tự nhiên của tôn giáo và lập luận rằng, tự nhiên là một thế giới phong phú, vô tận, không phải một lúc có thể hiểu biết tất cả. Trong tương lai, vấn đề giới hạn về tri thức của nhân loại cứ tiếp tục được giải quyết, nhưng sẽ không bao giờ hiểu được toàn bộ vũ trụ. “Vũ trụ là vô cùng, vô tận ngay trong bản thân nó; nó tự huỷ hoại và tự tái tạo không ngừng. Nếu chúng ta hiểu được toàn bộ vũ trụ, toàn bộ thiên nhiên, toàn thể xã hội, mọi tư duy nhân loại, thì khoa học sẽ cạn kiệt, bởi vì chức năng của nó là chuyển cái chưa biết thành cái đã biết”⁽¹⁴⁾.

Về vấn đề này, cần lưu ý tư tưởng của Ăngghen: “Lịch sử của các khoa học là lịch sử của việc loại bỏ dần dần sự vô lí này hoặc thay nó bằng một điều vô lí mới nhưng vẫn ít kì cục hơn”⁽¹⁵⁾.

Như vậy, ở một thời kì lịch sử nhất định thì sự nhận thức của con người chỉ có thể đạt được một mức độ nào đó. Ở đâu mà con người “chưa biết” thì tôn giáo còn có khả năng thay thế cho khoa học để giải thích những điều “chưa biết” ấy.

Dù Mác, Ăngghen và Lênin rất chú ý tới nguồn gốc xã hội của tôn giáo, nhưng các ông cũng không hề phủ nhận nguồn gốc tâm lí của nó. Các nhà kinh điển của học thuyết Mác -Lênin đã không dưới một lần nhắc đến luận điểm: “Sự sợ hãi đã tạo nên thần linh”⁽¹⁶⁾. Nhưng các nhà kinh điển chú ý đến sự sợ hãi trước hiện tượng xã hội: “Sợ hãi trước thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản,- mù quáng vì quần chúng nhân dân không thể đoán trước được nó, - là thế lực bất cứ lúc nào trong đời sống của người vô sản và người tiểu chủ, cũng đe dọa đem lại cho họ và đang đem lại cho họ sự phá sản “đột ngột”, “bất ngờ”, “ngẫu nhiên” làm cho họ phải diệt vong, biến họ thành một người ăn xin, một kẻ bần cùng, một gái điếm, và dồn họ vào cảnh chết đói, đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại mà người duy vật phải chú ý đến trước hết và trên hết, nếu người ấy không muốn cứ mãi mãi là một người duy vật sơ đẳng”⁽¹⁷⁾. Từ sự sợ hãi, nảy sinh nhu cầu chỗ che, chế ngự, né tránh và triệt tiêu... nghĩa là một phản ứng chống trả nỗi sợ hãi một cách thụ động qua những hành vi tôn giáo. Sự sợ hãi trở thành nền móng, cơ sở cho sự hình thành tâm lí tôn giáo.

Ngày nay, con người không chỉ sợ hãi “trước thế lực mù quáng của chủ nghĩa tư bản”⁽¹⁸⁾; mà còn ở phạm vi rộng và nghiêm trọng hơn. Sợ hãi về bệnh tật, chết chóc;

13. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 1, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, tr. 569.

14. *Về tôn giáo*, tập I, Nxb. KHXH. Hà Nội, 1994, tr. 281.

15. C.Mác – Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập. 37, Nxb. CTQG, Hà Nội, tr. 681.

16. V.I. Lênin. *Toàn tập*. tập 17, Nxb. Tiến Bộ.M., 1979, tr. 515.

17. V.I. Lênin. *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Tiến Bộ.M., 1979, tr. 5165- 516.

18. V.I. Lênin. *Toàn tập*, tập 17, Nxb. Tiến Bộ, M., 1979, tr. 515-516.

sợ hãi về sự rủi ro, bất hạnh; sợ hãi về sa cơ lỡ vận, thất bại, sa ngã... là vấn đề của mọi thời đại. Trong xã hội hiện đại, con người còn đang phải đối mặt với biết bao những tiêu cực xã hội, mặt trái của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa với vận hội cũng nhiều mà rủi ro, vận hạn cũng lắm; con người đang phải chứng kiến biết bao thảm họa của sự suy thoái môi sinh, xuống cấp đạo đức mà tai họa luôn rình rập từng con người, gia đình, cộng đồng khiến tâm lí bất an mang tính phổ biến.

Khoa học - kĩ thuật - công nghệ mới đã khẳng định vị thế của con người, nhưng cũng đã gây cho nhân loại cảm giác bị lệ thuộc và nô lệ vào nó. Đây quả là nỗi lo sợ của con người thời hiện đại. Sự sợ hãi hiểm họa của vũ khí hạt nhân chưa qua đi; thì sự phát triển của khoa học-công nghệ lại đặt ra cho con người sự lo sợ bởi những hiểm họa của môi sinh suy thoái, bệnh tật cũ chưa khắc phục được thì bệnh tật mới lại nảy sinh.

Những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác -Lênin chú ý tới nỗi "sợ hãi" như nguyên nhân tâm lí làm nảy sinh tôn giáo. Nhưng, thực ra không phải chỉ có những tình cảm tiêu cực như sợ hãi, thất vọng và phụ thuộc... mới hình thành và nuôi dưỡng niềm tin tôn giáo mà ngay cả những tình cảm tích cực như: sự thoải mái, lòng kính trọng, biết ơn... kể cả những ước vọng của con người vươn tới chân, thiện, mỹ cũng khuyến khích người ta tìm đến tôn giáo. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ những người có công với dân, với Tổ quốc mà Nghị quyết số 25 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ bảy khóa IX đã thừa nhận, không phải xuất phát từ sự sợ hãi mà là từ sự kính trọng.

Nhu cầu vật chất như ăn, mặc, ở, v.v... được đặt ra như điều kiện đầu tiên để con

người tồn tại. Song, con người không chỉ cần có vậy, đáp ứng những nhu cầu ấy chưa phải là đã đủ mà con người thực sự là con người, không thể chỉ bó hẹp ở việc đáp ứng nhu cầu vật chất. Hình như, khi xã hội càng phát triển thì việc thoả mãn nhu cầu tinh thần, trong đó có tín ngưỡng, tôn giáo càng được người ta chú ý. Tôn giáo là một trong những nhu cầu thiết yếu, nó có khả năng giữ vai trò thăng bằng trạng thái tinh thần của con người. Đến với tôn giáo không hẳn là người ta trốn chạy thực tại mà có lẽ quan trọng hơn là người ta tìm thấy ở đấy sự yên tĩnh trong tâm hồn, sự thăng bằng về tình cảm, sự đồng cảm, sẻ chia tâm tư nguyện vọng với cộng đồng. Trong một xã hội ồn ào, hối hả, ganh đua, chèn lấn thì đến với tôn giáo, con người hiện đại tìm thấy trạng thái tĩnh lặng, thăng bằng mà nó đang cần.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, chưa hoặc ít trải nghiệm qua quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và do đó cũng khó thấy hết được sức sống của tôn giáo trong môi trường xã hội này. Không kể ở những nước xã hội chủ nghĩa trong quá trình tồn tại đã làm biến dạng chủ nghĩa xã hội với những khuyết tật không phải từ bản chất của nó, cùng với những sai lầm trong cải tổ, cải cách đã dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở đấy, mà ngay ở những nước đang trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã và đang đạt nhiều thành tựu như Trung Quốc và Việt Nam, thì tín ngưỡng, tôn giáo vẫn tồn tại và đang có xu hướng phát triển. Có nhiều nguyên nhân cho sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội, song có mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Trong chủ nghĩa xã hội, nhất là giai đoạn đầu của thời kì quá độ lên chủ

nghĩa xã hội, còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với những lợi ích khác nhau của các giai tầng xã hội, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội vẫn là một thực tế. Sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường khiến cho con người chịu tác động mạnh mẽ của những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi. Điều đó dễ làm cho người ta có tâm lí thụ động, trông chờ, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên.

Cuộc đấu tranh giữa các lực lượng xã hội khác nhau diễn ra dưới nhiều hình thức đa dạng, tinh vi và phức tạp. Trong đó có những lực lượng phản động trong và ngoài nước vẫn chưa từ bỏ âm mưu lợi dụng tôn giáo để chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Tình hình ấy làm cho tôn giáo có lúc, có nơi diễn biến phức tạp.

Hoạt động tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ nào đó nhu cầu văn hoá, tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, phong cách, lối sống. Vì vậy, việc kế thừa có chọn lọc những giá trị đạo đức nhân loại, trong đó có đạo đức tôn giáo là cần thiết. Và lại, tín ngưỡng, tôn giáo có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận dân cư và do đó sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kì quá độ lên CNXH như một hiện tượng xã hội khách quan.

Ngày nay, chiến tranh hạt nhân với quy mô thế giới có khả năng bị đẩy lùi, nhưng những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn, lật đổ, v.v... còn xảy ra ở nhiều nơi. Nỗi lo sợ về chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo cùng với những mối đe dọa khác là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại.

Chưa có thời kì lịch sử nào mà nhân loại đạt được những thành tựu lớn lao về khoa học và công nghệ như hiện nay. Gần đây, với những tiến bộ vượt bậc của công nghệ thông tin, sinh học, vật liệu mới, v.v... đã giúp con người có những khả năng để nhận thức xã hội và làm chủ tự nhiên. Song thế giới vật chất vô cùng, vô tận, đa dạng, phong phú, còn đặt ra nhiều vấn đề mà hiện tại khoa học chưa thể làm rõ. Những sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội đôi khi rất nghiêm trọng còn tác động và chi phối đời sống con người. Do vậy, tâm lí sợ hãi, trông chờ, nhờ cậy và tin tưởng ở Phật, Thánh, Thần chưa thể gạt bỏ hết khỏi ý thức của nhiều người trong xã hội.

Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, thì ý thức xã hội bảo thủ hơn so với tồn tại xã hội mà tôn giáo lại là một trong những hình thái ý thức xã hội bảo thủ nhất. Vì tín ngưỡng, tôn giáo đã in sâu vào đời sống tinh thần, ảnh hưởng đến cả nếp nghĩ, lối sống của một bộ phận nhân dân qua nhiều thế hệ. Nên, dù có thể có những biến đổi lớn lao về kinh tế, chính trị, xã hội nhưng tín ngưỡng, tôn giáo không thể thay đổi ngay theo tiến độ của những biến đổi kinh tế, xã hội mà nó phản ánh.

Trong quá trình tồn tại, CNXH đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt. Nhưng có nhiều nguyên nhân khiến một số nước XHCN đã lâm vào tình trạng khủng hoảng rồi dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở đây. Sự sụp đổ CNXH ở Đông Âu và Liên Xô đã làm cho niềm tin của quần chúng vào xã hội mới bị giảm sút. Thêm vào đó là một số cán bộ trong bộ máy của Đảng, Nhà nước thoái hoá, biến chất, xa rời quần chúng, hiện tượng tiêu cực chậm được khắc phục, tệ nạn xã hội nảy sinh, công bằng xã hội bị vi phạm. Đó là những

điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại và phát triển.

Tuy nhiên, sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong xã hội XHCN cũng có những đặc điểm riêng. Trước hết, giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng của mình, vì vậy, việc tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa duy vật mác-xít trong xã hội là cần thiết. Nhà nước XHCN đề ra chính sách đối với tôn giáo trên nguyên tắc không chỉ tôn trọng, bảo đảm và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng mà còn đảm bảo quyền tự do không tín ngưỡng của công dân.

III. VỀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO

1. Tính lịch sử của tôn giáo. Quan điểm mác-xít cho rằng tôn giáo không phải là hiện tượng xã hội vĩnh hằng, nhưng cũng không phải mất đi nhanh chóng. Tôn giáo sẽ tự tiêu vong, khi mà: “Con người không chỉ mưu sự, mà lại còn làm cho thành sự nữa, thì khi đó, cái sức mạnh xa lạ cuối cùng hiện nay vẫn còn đang phản ánh vào “tôn giáo mới” sẽ mất đi, và cùng với nó bản thân sự phản ánh có tính chất tôn giáo cũng sẽ mất đi, vì khi đó sẽ không có gì để phản ánh nữa”⁽¹⁹⁾. Nhưng đến khi nào, con người có thể “làm cho thành sự” được? Phải chăng khi con người không chỉ nhận thức, vận dụng mà còn định đoạt được những điều mình mong muốn. Nghĩa là, con người bước từ vương quốc tất yếu sang vương quốc tự do hoàn toàn. Chắc chắn điều đó không thể tính bằng thập kỉ, thậm chí bằng thế kỉ được. Chúng ta đang chứng kiến cuộc cách mạng khoa học, kĩ thuật, công nghệ, tin học... đang tiến như vũ bão. Nhưng bão lụt, động đất, núi lửa, bệnh tật... lại cướp đi hàng ngàn sinh mạng trong khi đó con người giỏi lắm chỉ dự đoán được để phòng ngừa, hạn chế mà

khó loại bỏ được tác hại của nó. Như vậy, cái "vương quốc tự do" ấy không phải là tương lai gần đối với nhân loại. Đó là chưa kể còn nhiều vấn đề mà tôn giáo vẫn còn cái để “phản ánh”. Liệu đến chủ nghĩa cộng sản tôn giáo còn tồn tại hay không?

Nhân đây cũng nên tham khảo ý kiến của S.V.Rojo- giáo sư triết học trường đại học Tổng hợp Chilê khi ông viết: “Trong lịch sử chưa bao giờ có sự thống nhất về tất cả các vấn đề ý thức hệ. Kể từ lúc con người bắt đầu nói và bắt đầu nghĩ thì kiểu thống nhất đó biến mất. Do vậy, điều đó tạo một không gian cho tôn giáo, với tư cách là một hình thái có thể có để thể hiện cái hiện thực”⁽²⁰⁾. Và ông nói tiếp: “Một sự đa dạng như vậy, từng tồn tại trong mọi hình thái kinh tế và xã hội, trong quá khứ và hiện tại, sẽ tiếp tục lại có mặt trong xã hội cộng sản tương lai”⁽²¹⁾.

Ông nêu 5 nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong xã hội tương lai, trong đó có những nguyên nhân chung, số khác có liên quan trực tiếp đến tôn giáo:

- *Nguyên nhân kinh tế:* Có thể đến CNCS chế độ người bóc lột người bị thủ tiêu, nhưng sự khác biệt về lao động giữa công nhân, nông dân và trí thức vẫn tồn tại và tính đa dạng tiếp tục hiện diện trong điều kiện kinh tế ấy.

- *Nguyên nhân xã hội học:* Thế giới ngày càng phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng cùng với tiến bộ nhân loại. Sự hoà giải các lợi ích, tính phức tạp của liên ngành khoa học, sự gia tăng của tiêu cực xã hội như: bạo lực, ma tuý, bệnh SIDA

19. C.Mác-Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 20, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 439.

20. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Về tôn giáo*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1994, tr.278.

21. Sđd., tr.278.

xuất hiện, mất cân bằng Nam-Bắc, sự phân hoá giữa người cai trị và bị trị, v.v... Nghĩa là kiểu đa dạng xã hội vẫn tồn tại.

- *Nguyên nhân triết học*: Sẽ không bao giờ có sự nhất trí về tất cả những vấn đề triết học. Cũng chẳng bao giờ chỉ có một trường phái khoa học duy nhất, nghệ thuật, mỹ học cũng vậy. Chủ nghĩa duy tâm sẽ không biến mất và nếu nó mất thì chủ nghĩa duy vật cũng mất theo. Mỗi khuynh hướng mang theo một phần sự thật. Thực ra đa dạng không phải là tiêu cực mà còn là dấu hiệu của sự phong phú. Xã hội cộng sản tương lai sẽ không phải là một xã hội không còn vấn đề mà ngược lại, nhưng đó lại là dấu hiệu của sức sống.

- *Nguyên nhân nhân chủng học*: Tôn giáo còn biểu hiện của sự khốn cùng thực tại. Nó ra đời từ sự bất công xã hội và tình trạng mất an ninh. Theo Mác, tôn giáo cũng là kết quả của nỗi sợ hãi của con người trước bệnh tật và cái chết. Một người vừa nhận thấy mình là bất tử thì lập tức anh ta đã tin chắc là anh ta sẽ chết. Mà vấn đề về cõi vô cùng của cá nhân và tập thể là trung tâm của mọi tôn giáo. Nó còn tồn tại do nhận thức có giới hạn của con người và còn các nguyên nhân khác⁽²²⁾.

Tôn giáo là phạm trù lịch sử, nhưng sẽ còn tồn tại lâu dài trong xã hội loài người. Trong tương lai, chủ nghĩa cộng sản sẽ xoá bỏ được chế độ bóc lột và áp bức, nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo có thể cơ bản được loại trừ. Song, giới hạn của nhận thức của con người vẫn còn đấy.

2. Tính quần chúng của tôn giáo.

Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ các tôn giáo chiếm tỉ lệ cao trong dân số thế giới, mà còn ở chỗ tôn giáo là một trong các hình

thức sinh hoạt văn hoá tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động. Dù tôn giáo hướng con người hi vọng vào hạnh phúc hư ảo ở thế giới bên kia, song nó luôn luôn phản ánh khát vọng của những người bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái. Khi thể hiện tính quần chúng, tôn giáo thường có tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện. Con người luôn đặt ra nhiều vấn đề nhằm thoả mãn nhu cầu về vật chất và tinh thần. Tôn giáo là một trong những nhu cầu tinh thần của một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân lao động.

3. Tính chính trị của tôn giáo. Ở thời kì công xã nguyên thủy, tôn giáo chỉ phản ánh nhận thức hồn nhiên, ngây thơ của con người về bản thân và thế giới quanh mình. Nhưng, khi xuất hiện giai cấp thì tôn giáo thường phản ánh lợi ích giai cấp và đấu tranh giai cấp. Như vậy, tính chính trị của tôn giáo chỉ có khi xã hội đã phân chia giai cấp, khi có những lực lượng chính trị lợi dụng tôn giáo vì mục đích ngoài tôn giáo.

Trong quá khứ và đương đại, những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra, thực chất vẫn là xuất phát từ những lợi ích vật chất của những lực lượng chính trị, xã hội khác nhau. Trước khi có cuộc đấu tranh giữa các giai cấp trên mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự thường diễn ra cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, tôn giáo. Những cuộc đấu tranh hệ tư tưởng luôn là một bộ phận của đấu tranh giai cấp. Và, khi xã hội còn giai cấp thì tôn giáo cũng luôn bị các giai cấp thống trị bóc lột sử dụng như một công cụ quan trọng để bảo vệ lợi ích của họ. Dĩ nhiên, đông đảo quần chúng tín đồ đến với tôn giáo chủ yếu là nhằm thoả mãn

22. Sđd., tr.278-281.

nhu cầu tinh thần, tâm linh chứ không hàm ý chính trị gì ở đó. Song trên thực tế, tôn giáo đã, đang và sẽ còn bị các lực lượng chính trị khác nhau lợi dụng cho mục đích ngoài tôn giáo.

IV- VỀ VAI TRÒ CỦA TÔN GIÁO VÀ THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Khi xây dựng học thuyết của mình C.Mác và Ph. Ăngghen gặp phải sức cản không nhỏ từ lực lượng giáo sĩ của Giáo hội Công giáo câu kết với nhà nước phong kiến Phổ. Tương tự, trước sự liên minh của Giáo hội Chính Thống giáo với Nga hoàng trong việc nô dịch quần chúng lao động, Lênin có lúc đã gọi giáo sĩ Chính Thống giáo là “bọn chủ nô mặc áo trùng thâm” hoặc “bọn quan chức mặc áo trùng thâm” thì không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin rất chú ý mặt chính trị phản động trong tôn giáo. Định kiến với tôn giáo ở người cộng sản còn kéo dài mãi sau này. Thái độ định kiến ấy, có lí do của nó khi mà nhiều đời Giáo hoàng kế tiếp nhau luôn có tư tưởng chống cộng.

Ngay từ khi chủ nghĩa cộng sản lí thuyết mới là “bóng ma” ở Châu Âu thì Giáo hoàng và Vatican đã cảm thấy lợi ích của Giáo hội bị uy hiếp bởi nguy cơ “Đỏ”. Năm 1891 *Thông điệp Tân Sự* chống cộng của vị Giáo hoàng thời đó là một thí dụ. Sau này khi CNXH hiện thực xuất hiện và tồn tại thì Vatican càng chống đối quyết liệt và trắng trợn hơn. Điển hình là việc Giáo hoàng Piô XI và Piô XII cho rằng Chủ nghĩa cộng sản không thể dung nạp với nền văn minh Công giáo.

Cho đến năm 1951, trong *Thông điệp Sử giả Phúc Âm*, Giáo hoàng Piô XII khẳng định: “Giáo hội đã lên án nhiều môn phái khác nhau thuộc chủ nghĩa xã

hội mác-xít. Giáo hội còn duy trì mãi bản án ấy, vì nhiệm vụ và quyền lợi vĩnh viễn của Giáo hội, là phải chặn đứng những dòng nước mãnh liệt của những ảnh hưởng tai hại của chủ thuyết cộng sản hiện nay đang reo rắc khắp nơi”⁽²³⁾. Piô XII tuyên bố thẳng thừng rằng: “Phải nói rõ rằng Giáo hội Công giáo không bao giờ từ bỏ cuộc chiến đấu với kẻ địch công khai của nó là *chủ nghĩa cộng sản vô thần, cuộc chiến đấu sẽ tiếp tục cho đến phút cuối cùng*”⁽²⁴⁾.

Quả thật, quan hệ Công giáo với Cộng sản, những người hữu thần và vô thần, duy vật và duy tâm, tư sản và vô sản bị đẩy lên ở mức độ gay gắt không phải chỉ trong thời kì C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin còn sống mà còn kéo dài mãi sau này.

Nhưng phải thấy rằng, ngay cả khi thái độ chống cộng của các Giáo triều Rôma đương thời thì C. Mác và Ph. Ăngghen cũng không phải hoàn toàn chỉ nhìn tôn giáo như một hiện tượng xã hội hoàn toàn tiêu cực. Hai ông đã nêu rõ tính hai mặt của hiện tượng tôn giáo:

Mặt thứ nhất, vai trò của tôn giáo trong việc hợp thức hoá trật tự xã hội.

Mặt thứ hai, vai trò phê phán, phản bác và thậm chí cách mạng của tôn giáo. Chính khía cạnh thứ hai này mới là trung tâm phần lớn những công trình nghiên cứu của C. Mác và Ph. Ăngghen mà có một thời, người ta đã bỏ qua.

Tuy nhiên, phải thấy vai trò của tôn giáo ở mỗi quốc gia, mỗi khu vực và trên toàn thế giới có sự khác nhau qua từng thời kì lịch sử. Tính tích cực và tiêu cực của tôn giáo cũng không giống nhau qua

23. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4/2003.

24. Đại hội lần thứ hai, Lễ truyền đạo, ngày 6-7-1957.

thời gian và không gian. Có thời kì người ta đề cao quá mức vai trò của tôn giáo, ngược lại có ý kiến phủ nhận hoàn toàn tính tích cực của nó.

Gần đây, có nhiều nhà nghiên cứu đã nhìn tôn giáo toàn diện hơn. Họ đã đề cập đến vai trò của tôn giáo. Trong cuốn *Tôn giáo và phát triển* các nhà tôn giáo học đã rút ra được 10 điểm tích cực xã hội của tôn giáo, đó là:

1. Người cùng tôn giáo dễ đoàn kết và sống hài hoà với nhau.

2. Tôn giáo có thể đem lại cho con người dũng khí trước những thử thách của cá nhân hay dân tộc.

3. Gặp cảnh ngộ éo le gian khổ con người thường được tôn giáo an ủi, bảo đảm, hi vọng.

4. Tôn giáo nào cũng có những nguyên lí đạo đức hướng dẫn con người trong cuộc sống hằng ngày hướng thiện và tránh ác cho tín đồ.

5. Đối với những người phạm tội thì tôn giáo thường bày ra phương pháp sám hối giúp người phạm tội dũng cảm chịu sự trừng phạt, làm lại cuộc đời đồng thời cũng yên tâm hối cải.

6. Đức tin tôn giáo giúp cho tín đồ cố gắng hết sức mình cho đạo cũng như cho đời. Nhiều nhà xã hội học cho rằng niềm tin đạo Tin Lành trước đây đã làm nảy sinh và phát triển chủ nghĩa tư bản Châu Âu và niềm tin Phật giáo, Khổng giáo đã giúp cho nhiều con rồng Châu Á cất cánh và bay bổng giữa xu thế suy giảm kinh tế chung trên thế giới.

7. Tôn giáo là niềm cảm hứng vô tận cho nhiều công trình sáng tạo văn học, kiến trúc, hội họa, điêu khắc có giá trị toàn thế giới.

8. Niềm tin ở cuộc sống vĩnh hằng, bất tử giúp cho con người đón nhận cái chết với một thái độ bình thản.

9. Niềm tin ở khả năng đạt tới cảnh giới hạnh phúc an lạc tuyệt đối giúp con người không đắm say vào lạc thú thể tục, tâm thường, nhờ đó mà đỡ sa vào những cám dỗ vật chất, ít phạm tội ác, hướng theo cái thiện phù hợp với đạo đức nhân loại.

10. Niềm tin ở khả năng đạt tới cảnh giới giác ngộ hoàn toàn giúp cho con người có tín ngưỡng học tập không biết mệt mỏi.

Một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn rất lớn là nghiên cứu thái độ và phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin. Trong quá trình xây dựng CNXH, ở nhiều nước giải quyết vấn đề tôn giáo khi tả khuynh, khi hữu khuynh; nơi thì thô bạo, nơi lại buông trôi, thả nổi. Có tình hình đó chính là do chưa nhận thức đầy đủ những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin khi giải quyết vấn đề tôn giáo và cũng chưa thấy được sự biến đổi của tôn giáo trong thế giới đương đại.

Đứng về phương diện thế giới quan, chủ nghĩa duy vật mác-xít với chủ nghĩa duy tâm tôn giáo là đối lập: “Mác và Ăngghen đã tuyên bố nhiều lần, cơ sở triết học của chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa duy vật biện chứng, một chủ nghĩa đã hoàn toàn hấp thụ những truyền thống lịch sử của chủ nghĩa duy vật thế kỉ XVIII ở Pháp và của Phơ-bách ở Đức (nửa đầu thế kỉ XIX), tức là chủ nghĩa duy vật tuyệt đối vô thần, kiên quyết thù địch với mọi tôn giáo”⁽²⁵⁾. C. Mác vạch rõ: “Chỉ có vật chất mới có thể được cảm thấy, được

25. V.I Lênin. *Toàn tập*, tập.17, Nxb. Tiến Bộ, M., 1979, tr. 510.

nhận thức nên không thể biết một tí gì về sự tồn tại của Thượng Đế. Chỉ có sự tồn tại của bản thân tôi mới là xác thực"⁽²⁶⁾.

Ăngghen đã rút ra: “Không có Thiên Đường ngoài thế gian. Cũng như không có con quỷ nào khác ngoài những đam mê và những dục vọng xấu xa của con người"⁽²⁷⁾.

Tuy vậy, cả Mác, Ăngghen và Lênin đều không bao giờ chủ trương tuyên chiến với tôn giáo, mà ngược lại rất tôn trọng niềm tin tôn giáo của nhân dân. C. Mác viết: “Kẻ nghịch đạo không phải là kẻ phỉ báng thần thánh của quần chúng mà chỉ là người đồng tình với quan điểm quần chúng là người sáng tạo ra thần thánh”.

Các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội vẫn cáo buộc chế độ xã hội chủ nghĩa là o ép, bài xích tôn giáo. Họ cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin mâu thuẫn tuyệt đối với đức tin tôn giáo và do đó về cơ bản không thể dung hợp giữa chủ nghĩa xã hội và tôn giáo.

Một số người không mấy thiện cảm với CNXH cho rằng "CNXH không tương dung với tôn giáo", rằng "CNXH phủ nhận sự tồn tại của tôn giáo" và rằng "CNXH không phù hợp với văn minh Kitô giáo", v.v và v.v... Sự thật thì không phải như vậy. Những người cộng sản chưa bao giờ có ý định phủ nhận sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội XHCN và cũng chưa khi nào có chủ trương chống tôn giáo mà chỉ chống những kẻ lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động. Ngay từ năm 1844, trong *Bản thảo kinh tế và triết học*, C. Mác đã viết: “Chủ nghĩa vô thần, với tư cách là sự phủ định tính không đồng nhất đó, không còn ý nghĩa gì nữa, bởi vì chủ nghĩa vô thần là phủ nhận Thượng Đế và đặt làm định đề sự tồn tại của con người thông qua sự phủ định đó: *nhưng chủ nghĩa xã hội như chính nó không cần đến câu nói đó*”⁽²⁸⁾.

Ở nước ta, sau khi Miền Bắc được giải phóng, một số bà con tín đồ còn băn khoăn về sinh hoạt tôn giáo trong chế độ mới, để đồng bào có đạo an tâm Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Đảng Cộng sản chẳng những không tiêu diệt tôn giáo mà còn bảo hộ tôn giáo. Đảng Cộng sản chỉ tiêu diệt tội ác người bóc lột người”⁽²⁹⁾.

Đến ngày 10-05-1958, khi trả lời câu hỏi của các cử tri Hà Nội: “Tiến lên CNXH thì tôn giáo có bị hạn chế không?”, Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại thái độ của người cộng sản đối với tôn giáo: “Không, ở các nước XHCN, tín ngưỡng hoàn toàn tự do. Ở Việt Nam cũng vậy”⁽³⁰⁾. Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị năm 1990 ghi nhận: tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Đến Nghị quyết số 25 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX bổ sung thêm: “Tôn giáo đồng hành cùng dân tộc trong quá trình xây dựng CNXH ở nước ta”.

Nên ghi nhớ lời di huấn của C. Mác và Ph. Ăngghen: “Không thể đả kích tôn giáo dưới hình thức thù địch cũng như dưới hình thức khinh bực, chung cũng như riêng. Nghĩa là, nói chung không được đả kích vào nó”⁽³¹⁾. Sau này, Lênin cũng viết: “Còn như tuyên chiến với tôn giáo, coi đó là nhiệm vụ chính trị của đảng công nhân, thì đó chỉ là một luận điệu vô chính phủ chủ nghĩa”⁽³²⁾.

26. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập.2, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 196-197.

27. C.Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập 7, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 490.

28. *Về tôn giáo*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1994, tr.228.

29. Xem báo *Nhân Dân*, ngày 27/11/19.

30. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 9, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1996, tr. 76.

31. C. Mác - Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập.1, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 23.

32. V.I. Lênin. *Toàn Tập*, tập 17, Nxb. Tiến Bộ, M.,1979. tr. 511

Ứng xử tả khuynh với tôn giáo là sai lầm lớn đã diễn ra trong phong trào cộng sản quốc tế. Điều này, không chỉ ở thời Mác, Ăngghen và Lênin mà đã xảy ra ở nhiều nước trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho đến nay, chưa phải đã khắc phục hết được. Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, ngày 12-3-2003, còn nhắc đến hạn chế đó: “Có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn giải quyết nhiều vấn đề có liên quan đến tôn giáo; có nơi lại hữu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý”⁽³³⁾.

C. Mác đã nêu phương pháp luận khi giải quyết vấn đề tôn giáo, đó là:

“Phê phán thượng giới biến thành phê phán cõi trần, phê phán tôn giáo biến thành phê phán pháp quyền, phê phán thần học biến thành phê phán chính trị”⁽³⁴⁾. V.I. Lênin coi việc đấu tranh giai cấp là quan trọng hơn việc người bị áp bức có tôn giáo hay không tôn giáo. Ông cho rằng: “... Đối với chúng ta, sự thống nhất của cuộc đấu tranh thật sự cách mạng đó của giai cấp bị áp bức để sáng tạo nên một cảnh cực lạc trên trái đất, là quan trọng hơn sự thống nhất ý kiến của những người vô sản về cảnh cực lạc trên Thiên Đường”⁽³⁵⁾ và “Trong cương lĩnh của chúng ta, chúng ta không tuyên bố và chúng ta không nên tuyên bố chủ nghĩa vô thần của chúng ta... Khắp nơi bọn tư sản phản động đã chú trọng... kêu lên những sự thù hằn tôn giáo, để làm cho quần chúng chú ý về phía đó, khiến họ không để ý đến những vấn đề chính trị và kinh tế thật sự quan trọng và chủ yếu, những vấn đề mà giai cấp vô sản toàn nước Nga, thực tế đoàn kết lại với nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng của

mình, hiện đang giải quyết”⁽³⁶⁾. Tuyên truyền thế giới quan khoa học, phê phán, đấu tranh: “chống tính chất không triệt để của một số tín đồ Công giáo” là cần thiết, nhưng như thế không có nghĩa là: “*Phải đưa vấn đề tôn giáo lên hàng đầu, vì đó không phải chỗ của nó*” mà đấu tranh: “chính trị và kinh tế thật sự cách mạng” mới là vấn đề hàng đầu.

Gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có hệ thống quan điểm, chính sách đối với tôn giáo phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới. Những quan điểm, chủ trương và chính sách ấy vừa là sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo trong điều kiện lịch sử cụ thể; vừa có sự bổ sung cho phù hợp với thế giới toàn cầu hoá hiện nay. Với tư cách là chủ thể quản lý xã hội, trong đó có tôn giáo thì Nhà nước ta có trách nhiệm và quyền hạn trên hai vấn đề có liên quan đến tôn giáo, đó là *pháp luật và chính trị*. Từ trước đến nay, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước ta đối với tôn giáo vẫn là tập trung vào ba chữ: *Đời, Đạo và Địch*. Đời là đoàn kết toàn dân phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Đạo là, thực sự tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Địch là, không ngừng đề cao cảnh giác chống mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng của các thế lực thù địch./.

33. Đảng cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy BCH TW khoá IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2003, tr. 47.

34. C.Mác- Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, tập.1, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tr. 571.

35. V.I. Lênin. *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Tiến Bộ, Maxcova, 1979, tr. 174.

36. Sđd., tr. 174-175.